

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 29/9/2018

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	TAB01	Lê Thị Vân	Anh	25/3/1995	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,0	6,0	8,0	7,0	Khá	
2	TAB02	Thân Thị Vân	Anh	28/11/1972	Mỹ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	5,5	6,5	4,0	5,8	Trung bình	
3	TAB03	Trần Thị Mỹ	Anh	15/01/1993	Đồng Việt - Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	7,0	6,5	6,0	6,8	Trung bình	
4	TAB04	Nguyễn Tiến	Cường	01/11/1995	Đức Thuận - Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh	7,5	6,5	6,5	5,0	6,4	Trung bình	
5	TAB05	Mạc Đức	Dũng	23/4/1985	Anh Sơn - Nghệ An	8,0	5,5	6,0	5,0	6,1	Trung bình	
6	TAB06	Nông Thị Thu	Hiền	14/10/1980	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	8,5	6,5	7,0	6,0	7,0	Khá	
7	TAB07	Đoàn Thanh	Hiệp	16/10/1974	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	3,0	5,1	Trung bình	
8	TAB08	Dương Thị	Huệ	05/10/1987	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,5	6,0	6,0	5,9	Trung bình	
9	TAB09	Ngô Thị	Huyền	14/6/1995	Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	4,5	7,0	4,0	5,6	Trung bình	
10	TAB10	Trần Thị	Huyền	17/4/1992	Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định	7,0	7,5	6,5	4,0	6,3	Trung bình	
11	TAB11	Đỗ Viết	Hung	10/7/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	4,5	5,5	6,0	6,0	Trung bình	
12	TAB12	Hà Văn	Hung	21/8/1983	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	5,0	5,6	Trung bình	
13	TAB13	Tạ Thị Thu	Khanh	30/11/1971	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	7,0	6,0	3,0	5,6	Trung bình	
14	TAB14	Lê Văn	Khánh	01/7/1969	Tân Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	Bảo lưu
15	TAB15	Đỗ Văn	Kỳ	20/5/1987	Hoàng Văn - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	6,5	5,5	6,0	6,3	Trung bình	
16	TAB16	Nguyễn Văn	Lâm	08/10/1982	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	5,0	5,9	Trung bình	
17	TAB17	Nguyễn Văn	Lập	10/02/1975	Sơn Động - Bắc Giang	6,5	5,5	5,5	3,0	5,1	Trung bình	
18	TAB18	Ngô Văn	Lợi	25/6/1982	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	7,0	6,5	6,0	3,0	5,6	Trung bình	
19	TAB19	Phạm Hữu	Luyện	11/02/1984	Cầm Lý - Lục Nam - Bắc Giang	7,0	5,5	6,0	6,0	6,1	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
20	TAB20	Nguyễn Thị	Lý	05/6/1983	Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	6,0	6,4	Trung bình	
21	TAB21	Nguyễn Bình	Minh	23/8/1996	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	4,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình	
22	TAB22	Nguyễn Trọng	Nghĩa	20/6/1990	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,0	5,5	6,0	5,0	5,6	Trung bình	
23	TAB23	Kiều Bảo	Ngọc	07/01/1994	Đông Kinh - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	8,0	4,5	5,0	6,0	5,9	Trung bình	
24	TAB24	Vũ Bảo	Nguyên	11/01/1996	Đại Lào - Bảo Lộc - Lâm Đồng	7,5	6,0	6,5	8,0	7,0	Khá	
25	TAB25	Hoàng Thị Kim	Oanh	11/9/1991	Đồng Vương - Yên Thế - Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	6,0	6,8	Trung bình	
26	TAB26	Nguyễn Văn	Quỳnh	29/7/1980	Phúc Thắng - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	4,0	5,9	Trung bình	
27	TAB27	Nguyễn Thị	Sáng	10/6/1982	Cao xá - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	7,0	8,0	7,1	Khá	
28	TAB28	Dương Đình	Son	11/7/1965	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	6,0	6,5	3,0	5,6	Trung bình	
29	TAB29	Đỗ Xuân	Son	12/3/1996	Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội	4,0	0,0	3,0	6,0	3,3	Không đạt	
30	TAB30	Dương Văn	Sử	26/6/1977	Hương Vĩ - Yên Thế - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	Bảo lưu
31	TAB31	Nguyễn Văn	Tập	20/10/1979	Lục Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	8,0	6,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình	
32	TAB32	Hoàng Thị Hồng	Thái	22/11/1977	Phổ Yên - Thái Nguyên	8,0	6,5	6,5	5,0	6,5	Trung bình	
33	TAB33	Nguyễn Thị	Thảo	29/5/1995	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	6,0	6,0	6,4	Trung bình	
34	TAB34	Nguyễn Văn	Thắng	22/01/1990	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	5,0	5,6	Trung bình	
35	TAB35	Giáp Văn	Thìn	15/02/1976	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,0	5,5	6,0	6,0	Trung bình	
36	TAB36	Nguyễn Thị Hoài	Thu	27/11/1975	Hoàng Thanh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,5	6,5	7,5	6,0	6,6	Trung bình	
37	TAB37	Lại Thị	Thủy	22/9/1997	Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định	6,5	7,5	6,5	5,0	6,4	Trung bình	
38	TAB38	Lê Thị	Thúy	14/11/1982	Đông Hoàng - Đông Hưng - Thái Bình	7,0	6,0	6,5	6,0	6,4	Trung bình	
39	TAB39	Quách Tất	Toàn	06/10/1996	Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	7,5	5,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình	
40	TAB40	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/8/1990	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	6,0	5,0	6,1	Trung bình	
41	TAB41	Nguyễn Đăng	Trường	10/11/1996	Phật Tích - Tiên Du - Bắc Ninh	8,0	6,5	6,0	5,0	6,4	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
42	TAB42	Nguyễn Văn Trường	16/3/1987	Bố Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	7,0	6,0	7,5	7,0	Khá	
43	TAB43	Trần Văn Tuấn	07/3/1970	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	Bảo lưu
44	TAB44	Võ Thanh Tuấn	14/02/1996	Bình Khê - Đông Triều - Quảng Ninh	7,5	7,0	6,5	5,0	6,5	Trung bình	
45	TAB45	Vũ Anh Tuấn	25/5/1981	Đan Hội - Lục Nam - Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	5,0	5,6	Trung bình	
46	TAB46	Đào Công Văn	14/7/1982	Ngô Quyền - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	6,5	5,5	6,0	6,4	Trung bình	
47	TAB47	Hoàng Thị Hồng Vân	25/3/1981	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	6,0	5,0	5,0	5,9	Trung bình	
48	TAB48	Hoàng Tuấn Vũ	05/01/1996	Đài Đồng - Trang Định - Lạng Sơn	7,0	5,5	6,0	5,0	5,9	Trung bình	
49	TAB49	Vũ Văn Xuân	16/4/1966	Đặng Xá - Gia Lâm - Hà Nội	7,0	5,0	5,5	5,0	5,6	Trung bình	
50	TAB50	Ngô Văn Đa	22/3/1965	Mai Đình - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,5	3,5	5,5	5,0	5,4	Trung bình	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 50

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 3

Số thí sinh dự thi: 47

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 1

Số thí sinh đạt yêu cầu: 46

Trong đó:

Loại Giỏi 0

Loại Khá 5 10,87%

Loại Trung bình 41 89,13%

Chủ tịch hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2018

Thư ký Hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

ThS. Phan Văn Cường